

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
KHOA KINH TẾ

-----o0o-----

NGUYỄN HỮU NIÊN

**PHÁT TRIỂN KINH TẾ LÀNG NGHỀ Ở TỈNH BẮC NINH
THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP**

Chuyên ngành: Kinh tế chính trị xã hội chủ nghĩa

Mã số: 50201



LUẬN VĂN THẠC SỸ KHOA HỌC KINH TẾ

Người hướng dẫn khoa học : TS NGUYỄN BÍCH

Hà Nội, 2001

MỤC LỤC

	Trang
LỜI MỞ ĐẦU	3
Chương 1 : Cơ sở lý luận chung và thực tiễn tình hình phát triển kinh tế làng nghề ở Việt Nam	6
<i>1.1. Khái niệm về làng nghề và những điều kiện cần thiết cho sự phát triển kinh tế của làng nghề.</i>	6
1.1.1. Khái niệm làng nghề	6
1.1.2. Đặc điểm về sản phẩm và hình thức tổ chức sản xuất kinh doanh của làng nghề.	8
1.1.3. Những điều kiện cần thiết cho sự phát triển kinh tế làng nghề	11
1.1.3.1. Thị trường	11
1.1.3.2. Lao động	12
1.1.3.3. Vốn và công nghệ	13
1.1.3.4. Cơ sở hạ tầng	13
1.1.3.5. Kinh nghiệm truyền thống	14
1.1.3.6. Hệ thống chính sách kinh tế - xã hội của Nhà nước	14
<i>1.2. Vai trò kinh tế của làng nghề trong nền kinh tế quốc dân</i>	15
1.2.1. Tăng giá trị sản lượng hàng hoá	15
1.2.2. Giải quyết việc làm, tạo nguồn thu nhập cho người lao động	15
1.2.3. Bảo tồn giá trị văn hoá truyền thống, góp phần giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc.	16
<i>1.3. Thực tiễn tình hình phát triển kinh tế làng nghề ở Việt Nam</i>	
1.3.1. Thời kỳ trước đổi mới (1975 - 1985)	17
1.3.2. Thời kỳ đổi mới đến nay (1986 -> nay)	18
Chương 2 : Tiềm năng và thực trạng phát triển kinh tế làng nghề tỉnh Bắc Ninh	26
<i>2.1. Tiềm năng phát triển kinh tế làng nghề tỉnh Bắc Ninh</i>	26
<i>2.2. Thực trạng phát triển kinh tế làng nghề tỉnh Bắc Ninh</i>	31
2.2.1. Số lượng làng nghề và cơ cấu	31
2.2.2. Về sản phẩm	33
2.2.3. Nguồn lực phát triển kinh tế làng nghề	37
2.2.3.1. Về vốn	37
2.2.3.2. Về lao động	39

2.2.3.3 Về kỹ thuật công nghệ	42
2.2.3.4. Về thị trường	44
2.2.4. Môi trường sinh thái	47
2.2.5. Hình thức tổ chức sản xuất kinh doanh	49
2.2.6. Hiệu quả kinh tế - xã hội của phát triển kinh tế làng nghề	51
2.2.6.1. Về giá trị tổng sản phẩm	51
2.2.6.2. Về giải quyết việc làm, nâng cao đời sống nhân dân	52
2.2.6.3. Về nộp ngân sách Nhà nước	54
2.3. Đánh giá, nhận xét chung	55
Chương 3 : Phương hướng và giải pháp cơ bản để phát triển kinh tế làng nghề tỉnh Bắc Ninh.	58
3.1. Phương hướng	58
3.1.1. Phát triển kinh tế làng nghề phải gắn với thị trường	58
3.1.2. Phát triển kinh tế làng nghề gắn với đa dạng hoá các loại hình tổ chức sản xuất kinh doanh.	61
3.1.3. Kết hợp công nghệ truyền thống với công nghệ hiện đại	64
3.1.4. Khôi phục làng nghề cũ, củng cố làng nghề hiện có, phát triển làng nghề mới.	65
3.1.5. Phát triển kinh tế làng nghề gắn với bảo đảm môi trường sinh thái	66
3.2. Những giải pháp chủ yếu	67
3.2.1. Lập quy hoạch, kế hoạch phát triển làng nghề	67
3.2.2. Phát triển các loại thị trường phục vụ cho làng nghề	69
3.2.3. Chuyển giao công nghệ thích hợp và đổi mới công nghệ cho làng nghề	72
3.2.4. Xây dựng và phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật cho làng nghề	73
3.2.5. Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý, nâng cao tay nghề cho người lao động	75
3.2.6. Tăng cường chính sách quản lý kinh tế của Nhà nước.	77
KẾT LUẬN	79
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	

LỜI MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài:

Bắc Ninh là tỉnh nông nghiệp nhưng diện tích đất canh tác bình quân đầu người rất thấp, sản lượng lương thực bình quân đầu người mới đạt 473 kg. Giá trị sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp còn nhỏ bé, hiện mới đạt 1.289,8 tỷ đồng (giá cố định năm 1994); kim ngạch xuất khẩu mới ở mức khiêm tốn (15,1 triệu USD năm 1999). Trong khi đó, tiềm năng để mở rộng phát triển một ngành công nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp hàng hoá quy mô lớn hầu như không có; hiện số cơ sở, giá trị sản xuất, mức độ thu hút lao động của công nghiệp trung ương, công nghiệp địa phương ở Bắc Ninh còn rất nhỏ.

Tình hình này đặt Bắc Ninh trước những bức xúc: cần phải giải quyết việc làm cho số lao động nông nghiệp dôi dư, cần phải tăng thu nhập để nâng cao mức sống cho người dân. Vậy phải phát triển kinh tế ! Nhưng phát triển theo hướng nào?

Ở đây chúng tôi thấy Bắc Ninh có thể mạnh là địa phương có hệ thống làng nghề phát triển lâu đời và hiện đang đóng góp những giá trị to lớn vào phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh. Xét về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, Bắc Ninh có tiềm năng lớn để phát huy thế mạnh kinh tế này. Tuy nhiên, trong những năm qua, đặc biệt là từ khi chuyển sang nền kinh tế thị trường đến nay, làng nghề Bắc Ninh có nhiều biến đổi lớn. Một số làng nghề phát triển mạnh lên trở thành những làng giàu có, đồng thời cũng không ít làng bị điêu đứng và một số có nguy cơ mất nghề. Đứng trước thực tế này cần phải nghiên cứu để đánh giá đúng vị trí, vai trò của làng nghề trong sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Đồng thời tìm ra nguyên nhân dẫn đến sự phát triển cũng như thất bại của làng nghề, từ đó thấy được xu hướng vận động và đề ra giải pháp tạo điều kiện cho làng nghề phát triển. Vì vậy tôi

chọn vấn đề "*Phát triển kinh tế làng nghề ở tỉnh Bắc Ninh: Thực trạng và giải pháp*" làm đề tài nghiên cứu cho luận văn cao học của mình.

2. Lịch sử vấn đề :

Phát triển kinh tế làng nghề ở nông thôn là vấn đề có tính cấp thiết nên đã thu hút được nhiều nhà nghiên cứu quan tâm. Đến nay đã có một số công trình khoa học được công bố như sau:

- "Khôi phục và phát triển làng nghề truyền thống ở Việt Nam", luận văn thạc sỹ của tác giả Vũ Thị Thu, Hà Nội 1998.

- "Đề án phát triển tiểu thủ công nghiệp của tỉnh Hà Bắc đến năm 2000", Sở Công nghiệp, Hà Bắc 8/1991.

- "Một số vấn đề cơ bản về sự phát triển tiểu thủ công nghiệp ở nông thôn tỉnh Hà Bắc", luận án tiến sỹ kinh tế của tác giả Nguyễn Ty, Hà Nội 1991.

- "Phương hướng và giải pháp phát triển kinh tế tiểu thủ công nghiệp tỉnh Bắc Ninh trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá", Sở Công nghiệp Bắc Ninh, tháng 3/1998.

Ngoài ra còn có nhiều đề tài, bài báo khác cũng đề cập đến vấn đề làng nghề nói chung và làng nghề Bắc Ninh nói riêng. Tuy vậy, các đề tài này chưa đề cập một cách có hệ thống, chưa rõ về thực trạng tình hình phát triển kinh tế làng nghề Bắc Ninh trong thời kỳ đổi mới hiện nay; chưa đưa ra hệ thống các giải pháp thiết thực, đồng bộ cho phát triển kinh tế làng nghề Bắc Ninh trong giai đoạn hiện nay.

3. Mục đích nghiên cứu của đề tài:

Làm rõ thực trạng tình hình phát triển kinh tế của làng nghề, tìm ra nguyên nhân của thực trạng đó, thấy được xu hướng vận động và phát triển, từ đó đưa ra giải pháp làm cơ sở cho việc thực hiện các chính sách kinh tế xã hội, tạo điều kiện cho kinh tế làng nghề Bắc Ninh phát triển mạnh mẽ.

4. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu của đề tài:

- Đối tượng : Xem xét sự phát triển kinh tế làng nghề tỉnh Bắc Ninh dưới góc độ kinh tế chính trị.

- Phạm vi nghiên cứu của đề tài là làng nghề tỉnh Bắc Ninh trong thời kỳ đổi mới, đặc biệt những năm gần đây.

5. Phương pháp nghiên cứu :

Luận văn sử dụng phương pháp duy vật biện chứng, duy vật lịch sử, thống kê, phân tích, khảo sát thực tế, kết hợp với sự kế thừa những kết quả nghiên cứu của các công trình khoa học đã được công bố.

6. Đóng góp của luận văn:

- Phân tích có hệ thống các mặt cơ bản về thực trạng phát triển kinh tế làng nghề Bắc Ninh trong giai đoạn từ đổi mới đến nay.

- Nêu ra xu hướng vận động và đề xuất một số giải pháp cơ bản để phát triển kinh tế làng nghề trong giai đoạn hiện nay.

7. Kết cấu của luận văn:

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, luận văn gồm 3 chương:

Chương 1 : Cơ sở lý luận chung và thực tiễn tình hình phát triển kinh tế làng nghề ở Việt Nam.

Chương 2 : Tiềm năng và thực trạng phát triển kinh tế làng nghề tỉnh Bắc Ninh.

Chương 3 : Phương hướng và giải pháp cơ bản để phát triển kinh tế làng nghề tỉnh Bắc Ninh.

• **Chương 1 :**
CƠ SỞ LÝ LUẬN CHUNG VÀ THỰC TIỄN
TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ LÀNG NGHỀ Ở VIỆT NAM.

1.1. KHÁI NIỆM VỀ LÀNG NGHỀ VÀ NHỮNG ĐIỀU KIỆN CẦN THIẾT CHO SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ CỦA LÀNG NGHỀ:

1.1.1. Khái niệm làng nghề

Hiện nay quan niệm về làng nghề vẫn có nhiều ý kiến khác nhau. Chúng tôi xin trích dẫn một vài quan niệm:

- Quan niệm thứ nhất : làng nghề là nơi mà hầu hết mọi người trong làng đều hoạt động cho nghề ấy và lấy đó làm nghề sống chủ yếu.

- Quan niệm thứ hai : làng nghề là làng cổ truyền làm nghề thủ công, nhưng không nhất thiết toàn bộ dân làng đều làm nghề thủ công. Người thợ thủ công nhiều khi cũng là người làm nghề nông, nhưng do yêu cầu chuyên môn hoá họ chuyển sang sản xuất hàng thủ công ngay tại làng.

- Quan niệm thứ ba: làng nghề là trung tâm sản xuất thủ công, nơi quy tụ các nghệ nhân và nhiều hộ gia đình chuyên tâm làm nghề truyền thống lâu đời, có sự liên kết hỗ trợ trong sản xuất, bán sản phẩm theo kiểu phường hội và có cùng tổ nghề.

- Quan niệm thứ tư: làng nghề là những làng ở nông thôn có các ngành nghề phi nông nghiệp chiếm ưu thế về số hộ, số lao động và số thu nhập so với nghề nông. Trong đó phải có từ 35 - 40% số hộ trở lên chuyên làm nghề thủ công nghiệp, thu nhập từ nghề phải chiếm trên 50% tổng thu nhập của họ và giá trị của nghề phải chiếm trên 50% tổng giá trị sản lượng của địa phương.

Từ những cách tiếp thị trên chúng ta thấy rằng làng nghề gắn liền với các yếu tố "làng" và "nghề".

Làng là nói tới kiểu tổ chức dân cư đặc trưng. Nó là nơi quần tụ sinh sống của những người có cùng quan hệ huyết thống, có địa vực không gian sinh sống nhất định, có phong tục tập quán riêng.

Phần lớn các làng xưa kia đều là nơi sản xuất nông nghiệp. Sau đó do yêu cầu cuộc sống đòi hỏi ngày càng nhiều sản phẩm hơn, một số nghề mới phi nông nghiệp đã xuất hiện, có các hộ vừa sản xuất nông nghiệp vừa làm nghề, hoặc có hộ tách khỏi nông nghiệp để chuyên sản xuất nghề đã xuất hiện. Dần dần nghề phi nông nghiệp đã chiếm ưu thế. Phần lớn các nghề trong làng nghề thuộc lĩnh vực tiểu thủ công nghiệp. Ngày nay, do sự phát triển của kinh tế hàng hoá, nghề nghiệp được mở rộng sang cả lĩnh vực dịch vụ. Đã xuất hiện các làng làm nghề buôn bán.

Như vậy, yếu tố nghề trong làng nghề ta không nên hiểu là tất cả các nghề tạo ra thu nhập, tạo việc làm, có thao tác riêng biệt nói chung, mà nghề ở đây là những nghề phi nông nghiệp. Bởi vì, nếu ta quan niệm nghề nói chung thì làng nào cũng là làng nghề cả.

Ở trên, các quan niệm đặt ra yêu cầu đối với làng nghề thì lĩnh vực nghề phải chiếm ưu thế, phải có phần lớn số hộ sinh tử với nghề. Điều này chúng tôi cho rằng là cần thiết để xét xem hiện tại đây có phải là làng nghề hay không. Nhưng nếu cứ lấy tiêu chuẩn này để áp vào thực tế các làng nghề hiện nay mà phân ra thì có nhiều làng xưa kia có thể cả làng làm nghề, nhưng nay chỉ còn vài hộ, thậm chí có làng không còn hộ nào làm nghề nữa, và thế là ta loại ra khỏi đối tượng nghiên cứu. Quan niệm như vậy theo chúng tôi là chưa đủ. Nghiên cứu sự phát triển của làng nghề phải gắn với lịch sử phát triển của nó. Đối với các làng nghề mà ngày nay không còn phát triển nữa, nhưng trước kia đã có thời kỳ phát triển thì chúng tôi vẫn xếp vào đối tượng nghiên cứu để tìm ra nguyên nhân dẫn đến sự suy tàn của nó, từ đó có thể rút ra xu hướng vận động nói chung cho các làng nghề.

Từ cách đặt vấn đề trên, chúng tôi có thể rút ra khái niệm làng nghề như sau: làng nghề là những làng ở nông thôn có hoặc đã có các ngành nghề

phi nông nghiệp chiếm ưu thế về số hộ, số lao động, số thu nhập so với nghề nông.

Dựa vào thời gian hình thành ta có thể chia làng nghề thành làng nghề mới và làng nghề truyền thống.

- Làng nghề truyền thống là những làng nghề đã xuất hiện từ lâu đời trong lịch sử và tồn tại đến ngày nay. Có làng nghề đã xuất hiện cách đây hàng trăm, thậm chí hàng nghìn năm.

- Làng nghề mới là những làng nghề xuất hiện do sự phát triển lan toả của các làng nghề truyền thống hoặc là sự du nhập nghề mới trong những năm gần đây (những năm sau cách mạng), đặc biệt trong thời kỳ đổi mới chuyển sang nền kinh tế thị trường.

1.1.2. Đặc điểm về sản phẩm và hình thức tổ chức sản xuất kinh doanh của làng nghề:

1.1.2.1. Về sản phẩm:

Phần lớn sản phẩm của làng nghề mang tính đơn chiếc, chứa đựng tính nghệ thuật cao, được tạo ra bằng công nghệ thủ công truyền thống, sử dụng nhiều sức lao động thủ công, mật hàng sản xuất tương đối ổn định (có tính bảo thủ) về chủng loại, mẫu mã, quy cách.... do các quy ước của gia tộc, dòng họ, làng quy định. Tuy nhiên ngày nay với nền kinh tế hàng hoá và sự phát triển mạnh mẽ của khoa học kỹ thuật, sản phẩm của làng nghề đang có chuyển biến mới. Các sản phẩm phần lớn vẫn sử dụng lao động thủ công, song ở nhiều khâu đã áp dụng máy móc, áp dụng tiến bộ kỹ thuật mới. Chẳng hạn nghề dệt vải trước kia dệt bằng khung dệt thủ công phải quay bằng tay, nay đã thay bằng máy. Trong nghề thêu đã sử dụng máy vi tính để thiết kế mẫu và vẽ hoạ tiết; trong nghề gốm đã sử dụng máy nhào nguyên liệu, trong nghề gỗ đã sử dụng máy cưa, máy đánh bóng...

Trước sự biến động về nhu cầu sản phẩm trên thị trường, nhiều làng nghề đã thay đổi sản phẩm truyền thống không còn phù hợp thị hiếu nữa sang mặt hàng mới mà thị trường đang có nhu cầu. Chẳng hạn nghề làm mũ

ở Phù Tiên (Hưng Yên) chuyển sang nghề sản xuất phao biển... Có làng nghề phải nâng cao chất lượng, mẫu mã mặt hàng truyền thống để đáp ứng yêu cầu mới của thị trường. Chẳng hạn nghề gốm sứ Bát Tràng ngày nay mặt hàng truyền thống vẫn là gốm sứ nhưng người sản xuất đã tìm tòi, sáng tạo rất nhiều mẫu mã khác nhau, nâng cao chất lượng sản phẩm đạt trình độ thẩm mỹ cao. Chính vì vậy mà sản phẩm gốm sứ của Bát Tràng đã chiếm được lòng mến mộ của người tiêu dùng trong và ngoài nước. Cũng trong giai đoạn hiện nay, nếu sản phẩm của làng nghề không kịp thích ứng được yêu cầu thị trường thì làng nghề đó sẽ bị phá sản. Ví dụ làng gốm Ánh Hồng (Đông Triều - Quảng Ninh) do chậm đổi mới sản phẩm truyền thống, kết quả không tiêu thụ được hàng hoá làm ra, dẫn đến sản xuất bị điêu đứng. Ở Hải Dương, trong số 42 làng nghề hiện có 12 làng (chiếm 28,5%) hoạt động đang gặp khó khăn và 3 làng (chiếm 7,2%) có nguy cơ thất truyền. Đó là những làng nghề mà sản phẩm không thích ứng được nhu cầu thị trường.

Như vậy, đối với sản phẩm của làng nghề trong nền kinh tế hàng hoá phải luôn tự đổi mới cho phù hợp với xu thế thị hiếu của thị trường hiện đại luôn biến động.

1.1.2.2. Về hình thức tổ chức sản xuất kinh doanh.

- Không gian sản xuất của làng nghề nằm trong phạm vi làng, gần khu dân cư sinh sống và phần lớn họ tận dụng ngay nhà mình là nơi sản xuất. Cách bố trí như vậy có tiện lợi là không phải đầu tư nhà xưởng, kho tàng, tiện cho lao động làm việc. Họ có thể làm tranh thủ lúc nào cũng được. Tuy nhiên, hình thức này không phù hợp với sản xuất quy mô lớn có tính chất công nghiệp, hay những mặt hàng có khả năng gây ô nhiễm môi trường. Do vậy, trong thời gian qua đã có những cơ sở di dời không gian gia đình để sản xuất ở một nơi có địa bàn rộng và tiện nghi hơn.

- Về hình thức tổ chức sản xuất kinh doanh:

Trong cơ chế kế hoạch hoá tập trung bao cấp, ở nông thôn đại bộ phận các gia đình đầu tư vào hợp tác xã. Thời kỳ này, nghề thủ công được coi như một nghề phụ bổ sung cho sản xuất nông nghiệp. Về tổ chức, trong mỗi hợp tác xã nông nghiệp thường có một đội ngành nghề tập hợp tất cả mọi người dân làm nghề khác nhau, kể cả kiêm nhiệm cũng như chuyên nghiệp.

Lao động trong các làng nghề thủ công được tính công điểm và hưởng theo chế độ công điểm trong hợp tác xã. Ngoài ra, trong làng nghề còn tồn tại các xí nghiệp quốc doanh. Số hộ lao động tự do cá thể rất ít. Bước sang cơ chế thị trường, đa số các hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp đã bộc lộ những mặt yếu kém trong tổ chức sản xuất và quản lý, dẫn đến tình trạng năng suất lao động thấp, năng lực sáng tạo tay nghề giỏi không được phát huy, đời sống xã viên gặp khó khăn. Trước tình hình đó, nhiều làng nghề, nhiều hợp tác xã đã giải thể.

Hiện nay, các hợp tác xã kiểu mới đang bước đầu hình thành. Quá trình phân hoá hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp đang diễn ra xu hướng sau:

- + Xu hướng tách hợp tác xã thành hộ cá thể: đây là xu hướng chủ đạo.
- + Xu hướng chuyển hợp tác xã thành xí nghiệp tư nhân.
- + Xu hướng chuyển hợp tác xã thành hợp tác xã cổ phần.

Các hình thức tổ chức sản xuất kinh doanh của làng nghề được đa dạng hoá, được phát triển tùy theo từng mức độ của lực lượng sản xuất. Hiện nay, ngoài hai hình thức là xí nghiệp quốc doanh và hợp tác xã còn lại ở một số nơi, ở làng nghề các loại hình tổ chức sau đây là phổ biến:

- Hình thức hộ gia đình: đây là hình thức phổ biến nhất hiện nay. Hình thức này phù hợp với quy mô sản xuất nhỏ.

- Hình thức tổ chức tiểu chủ: đây là hình thức đang được phát triển ở các làng nghề có trình độ tập trung sản xuất tương đối cao. Ngoài nguồn lao động trong gia đình họ còn thường xuyên thuê mượn thêm lao động.

- Hình thức doanh nghiệp tư nhân: một số tư nhân, cá thể có vốn, có kinh nghiệm, làm ăn phát đạt đã đứng lên thành lập doanh nghiệp tư nhân. Họ có thể trực tiếp tổ chức sản xuất hoặc làm khâu cung ứng dịch vụ cho làng nghề.

Ngoài các hình thức trên còn có công ty trách nhiệm hữu hạn, hợp tác xã cổ phần.

Tóm lại, làng nghề hiện nay có nhiều hình thức sản xuất đa dạng, tùy theo tính chất làng nghề, mức độ phát triển.

Bảng 1 - Cơ cấu lao động làng gốm sứ Bát Tràng

Loại hình kinh tế	Số lao động (người)	Cơ cấu (%)
Tổng số:	9.500	100,00
1. Xí nghiệp quốc doanh	1.220	12,85
2. Hợp tác xã	100	1,05
3. Tư nhân	500	5,26
4. Hộ gia đình	7.680	80,84

Nguồn: Số liệu điều tra của Viện thông tin kinh tế công nghiệp, Bộ Công nghiệp.

1.1.3. Những điều kiện cần thiết cho sự phát triển kinh tế làng nghề:

1.1.3.1. Thị trường:

Trong nền sản xuất tự cung, tự cấp hay bao cấp thì người sản xuất không quan tâm đến yếu tố thị trường. Nhưng trong nền kinh tế hàng hoá, mọi điều tiết từ sản xuất, trao đổi, tiêu dùng đều do thị trường với những quy luật của nó tự quyết định. Do vậy, người sản xuất không thể sản xuất những gì mình thích hoặc mình có khả năng, mà phải xuất phát từ yêu cầu thị trường đang cần gì. Nếu người sản xuất đáp ứng được thì anh ta sẽ chiếm lĩnh được thị trường và sẽ phát triển, còn không anh ta bị mất thị trường và sản xuất phải ngừng lại. Như vậy thị trường rất quan trọng trong nền sản xuất hàng hoá, thiếu nó thì không thể sản xuất hàng hoá được. Ngày nay,

nền sản xuất của Việt Nam đang bước vào sản xuất hàng hoá và ngày càng phát triển. Do đó, đặt làng nghề vào cơ chế chung của nền sản xuất hàng hoá. Làng nghề muốn tồn tại được thì sản phẩm của làng nghề phải có thị trường tiêu thụ, nếu không có thị trường thì làng nghề sẽ bị mai một đi. Điều này trong những năm qua ở các làng nghề Việt Nam đã chứng tỏ. Làng nghề nào mở rộng được thị trường trong nước, nước ngoài thì làng nghề ấy phát triển mạnh (Chẳng hạn nghề gốm sứ mỹ nghệ, nghề gỗ mỹ nghệ...) còn những làng nghề có thị trường nhỏ hẹp hoặc không có thị trường thì đang có nguy cơ thu hẹp (chẳng hạn nghề làm nón lá, tranh, nấu mật, đan rổ rá...). Ngay cả những nghề có khả năng phát triển thì cũng không phải làng nghề nào cũng phát triển được. Cùng sản xuất một mặt hàng nhưng làng nào có thị trường rộng thì làng đó phát triển, còn làng nào không chiếm lĩnh được thị trường thì không phát triển được. Ví dụ làng gốm sứ Bát Tràng (Hà Nội) có thị trường thì phát triển rất mạnh, còn làng gốm sứ Ánh Hồng (Quảng Ninh) không có thị trường thì bị sa sút.

Ngoài ra để cho làng nghề phát triển nó không chỉ cần thị trường tiêu thụ hàng hoá mà còn cần các thị trường hỗ trợ khác như thị trường các yếu tố đầu vào, thị trường vốn, thị trường công nghệ...

1.1.3.2. Lao động :

Không một quá trình sản xuất nào lại không cần có sự tham gia của người lao động. Nguồn lực lao động ta xét ở hai khía cạnh số lượng và chất lượng lao động. Cả hai yếu tố này đều ảnh hưởng tới sản xuất. Nếu số lượng dồi dào sẽ là tiềm năng nguồn lực to lớn cung cấp cho sản xuất với giá cả rẻ, đó là thuận lợi lớn. Bởi vì trong các yếu tố cấu thành giá thành hàng hoá, thì giá cả sức lao động của nhân công chiếm một tỷ trọng lớn. Yếu tố nữa đối với lực lượng lao động ta cần xét đến là chất lượng của nó. Chất lượng lao động phản ánh ở trình độ, kỹ năng nghề nghiệp, các phẩm chất phù hợp với nền sản xuất hàng hoá (năng động, dám nghĩ, dám làm, có tầm nhìn chiến lược, sáng tạo...).

Chất lượng lao động kém dẫn đến sản phẩm kém chất lượng. Trong nền sản xuất hàng hoá, yếu tố lao động cũng sẽ quyết định thành công hay thất bại. Suy cho cùng tất cả đều do con người quyết định. Có công nghệ hay không do con người, có thị trường hay không cũng do con người, có sản phẩm chất lượng hay không cũng do con người. Mọi yếu tố trong quá trình sản xuất không tách rời con người. Do đó, đối với làng nghề trong nền sản xuất hàng hoá con người là yếu tố rất quan trọng.

1.1.3.3. Vốn, công nghệ, nguyên vật liệu:

- Vốn là yếu tố quan trọng của nguồn lực. Trước đây, sản xuất của làng nghề còn mang tính tự cấp, tự túc, quy mô sản xuất nhỏ, công nghệ thô sơ thì yêu cầu về vốn không lớn. Ngày nay, muốn sản xuất hàng hoá phải chuyên môn hoá, quy mô lớn. Không có vốn thì không mua sắm được các yếu tố cần thiết cho sản xuất được. Ý tưởng kinh doanh chỉ có thể thực hiện được khi có vốn.

- Công nghệ là yếu tố quyết định tới năng suất, chất lượng, giá thành sản phẩm. Công nghệ phù hợp cho phép khai thác được nguồn lực lao động, mang lại hiệu quả cao cho vốn đầu tư. Công nghệ không phù hợp làm lãng phí nguồn lực, giảm hiệu quả sản xuất kinh doanh. Một công nghệ phù hợp với sản xuất của làng nghề khi nó khai thác được tiềm năng lao động, vốn của làng nghề, đồng thời nó phản ánh được xu thế tiến bộ của khoa học kỹ thuật, đáp ứng được xu hướng phát triển của thị trường.

- Nguyên vật liệu: là một bộ phận của yếu tố đầu vào, nó tham gia vào quyết định chất lượng, giá cả hàng hoá. Nếu sản xuất gồm nguồn nguyên liệu ổn định, có chất lượng cao thì sản xuất có nhiều thuận lợi. Còn trường hợp nguồn nguyên liệu khó khăn, giá cao, không ổn định sẽ gây trở ngại tới sản xuất. Do đó, sản xuất trong làng nghề cần tạo được nguồn nguyên liệu đủ, ổn định, tiện lợi để giảm chi phí sản xuất.

1.1.3.4. Cơ sở hạ tầng :

Cơ sở hạ tầng cho sản xuất làng nghề cũng như quá trình sản xuất nói chung đều cần: điện, nước, giao thông, thông tin, y tế, văn hoá, giáo dục, dịch vụ... Quá trình sản xuất thuận lợi hay khó khăn là do yếu tố này quyết định. Ngày nay yếu tố cơ sở hạ tầng càng có vai trò quan trọng khi nền sản xuất hàng hoá đã đạt tới trình độ phân công quốc tế. Yêu cầu về giao nhận hàng phải đúng thời hạn; thông tin thị trường phải nhanh, tiếp cận thị trường và quảng bá hàng hoá rất cần đến thông tin hiện đại, các hoạt động giao dịch cũng cần đến thông tin hiện đại.

Do đó, để phát triển kinh tế làng nghề rất cần đến một cơ sở hạ tầng tốt có khả năng đáp ứng được yêu cầu của nền sản xuất hàng hoá hiện đại. Tuy nhiên, xây dựng cơ sở hạ tầng cần tương xứng với trình độ phát triển của làng nghề.

1.1.3.5. Kinh nghiệm truyền thống:

Đặc trưng của sản xuất trong làng nghề là vẫn còn yếu tố thủ công. Mỗi làng nghề tồn tại được là nhờ tính đặc sắc trong sản phẩm của mình. Đó là các bí quyết nghề nghiệp, các kỹ năng, kỹ xảo nghề được đúc kết lưu truyền qua nhiều thế hệ. Yếu tố này phải qua thời gian dài sinh tử với nghề người ta mới lĩnh hội được. Trong nền sản xuất hàng hoá rất cần có những sản phẩm mang tính độc đáo. Kinh nghiệm truyền thống sẽ tạo ra tính độc đáo của sản phẩm. Đây là yếu tố rất cần góp phần vào sự thành công của làng nghề. Do vậy muốn phát triển làng nghề ta phải phát huy yếu tố truyền thống.

1.1.3.6. Hệ thống chính sách kinh tế - xã hội của Nhà nước.

Hệ thống chính sách kinh tế - xã hội của Nhà nước bao gồm các công cụ chính sách: chính sách thuế, lãi suất, vay vốn, công nghệ, đất đai, giáo dục đào tạo, giải quyết việc làm, thị trường, hình thức tổ chức sản xuất kinh doanh, chiến lược phát triển,... tất cả các chính sách của Nhà nước đều có tác dụng thúc đẩy hoặc kìm hãm sự phát triển đối với sản xuất nói chung và đổi mới làng nghề nói riêng. Do vậy, để tạo điều kiện cho làng nghề phát

triển rất cần có hệ thống chính sách phù hợp sát thực tạo điều kiện khai thác tiềm năng, giải phóng sức sản xuất, thúc đẩy làng nghề vươn lên.

1.2. VAI TRÒ KINH TẾ CỦA LÀNG NGHỀ TRONG NỀN KINH TẾ QUỐC DÂN.

1.2.1. Tăng giá trị sản lượng hàng hoá

Sự phát triển của làng nghề góp phần quan trọng vào sự gia tăng giá trị sản phẩm của các địa phương. Chẳng hạn, ở Nam Định và Hà Nam, năm 1996 giá trị sản xuất của làng nghề đạt 150 tỷ đồng (theo giá cố định năm 1989), chiếm 41% giá trị công nghiệp ngoài quốc doanh, ở Thái Bình, năm 1996, giá trị sản lượng của làng nghề đạt gần 50 tỷ đồng, bằng 30% giá trị công nghiệp toàn tỉnh. Nhiều làng nghề có thu nhập hàng chục tỷ đồng mỗi năm. Ví dụ, làng dệt Vạn Phúc (Hà Tây) đạt trên 10 tỷ đồng/năm, làng chế biến nông sản thực phẩm Dương Liễu (Hà Tây) đạt trên 30 tỷ đồng/năm và đặc biệt làng gốm sứ Bát Tràng (Hà Nội) đạt trên dưới 100 tỷ đồng/năm). Các làng nghề phát triển vừa tạo nhiều sản phẩm phong phú cho đất nước, vừa làm tăng giá trị hàng hoá, đồng thời tăng giá trị xuất khẩu để thu ngoại tệ.

1.2.2. Giải quyết việc làm, tạo nguồn thu nhập cho người lao động.

Làng nghề phát triển có khả năng thu hút số lượng lao động dư thừa lớn hiện nay ở nông thôn. Lao động nông thôn hiện nay mới sử dụng 70% quỹ thời gian lao động, nếu qui đổi tương đương với khoảng 9 triệu lao động cần có việc làm. Trong khi đó bình quân đất đai/dầu người ở nước ta thấp. Do vậy, phát triển kinh tế làng nghề là một hướng quan trọng để giải quyết việc làm ở nông thôn. Trong những năm qua, làng nghề đã tham gia tích cực trong việc giải quyết việc làm. Ví dụ:

Bảng 2 - Số liệu điều tra của 9 tỉnh về số hộ, số lao động làng nghề.

TT	Tỉnh, thành phố	Số làng nghề	Tổng số hộ trong làng	Số hộ làm nghề	Tổng lao động trong làng	Tổng lao động làm nghề
1.	Lai Châu	20	532	18	1356	50
2.	Ninh Bình	20	951	562	2379	1361
3.	Thanh Hoá	70	698	263	1333	610
4.	Quảng Ninh	13	821	539	1901	776
5.	Khánh Hoà	26	695	160	1747	789
6.	Sông Bé	2	1473	695	3578	1499
7.	Tây Ninh	14	1911	175	4650	487
8.	TP Hồ Chí Minh	66	1049	355	2728	950
9.	Bến tre	24	918	243	3275	931

Nguồn : Số liệu điều tra năm 1995 của các cơ sở lao động thương bình và xã hội.

Theo số liệu thống kê chưa đầy đủ, hiện nay cả nước có khoảng trên 1400 làng nghề. Đồng bằng sông Hồng là nơi tập trung đông nhất tới trên 700 làng nghề, thu hút gần 600.000 lao động. Theo số liệu thống kê của các Sở công nghiệp, nông nghiệp các tỉnh năm 1998, ở Thái Bình có 88.505 lao động làm nghề; ở Hà Tây có 113.956 lao động làm nghề; Ninh Bình có 87.221 lao động làm nghề trong các làng nghề.

Làng nghề giải quyết lao động, tạo thu nhập cho người làm. Thu nhập của hộ làm nghề hiện cao gấp 1,8 - 4,5 lần thu nhập của hộ thuần nông. Thu nhập của người lao động ở các làng nghề phát triển hiện nay khá cao và ổn định. Ví dụ, lao động giản đơn làm gốm sứ ở Bát Tràng (Hà Nội) có thu nhập bình quân 900 nghìn đồng/tháng; thợ điêu khắc gỗ ở Thanh Thủy (Hà Tây) có thu nhập 800 nghìn đồng/tháng.

1.2.3. Bảo tồn giá trị văn hoá truyền thống, góp phần giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc.

Làng nghề là nơi lưu giữ nhiều giá trị văn hoá vật chất, tinh thần quý báu. Nó vừa mang giá trị văn hoá đẹp đẽ của làng quê Việt Nam (tính cộng

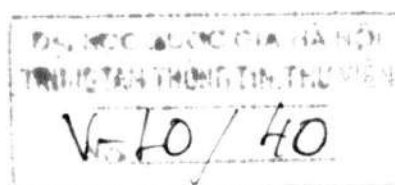
đồng đoàn kết, trọng tình cảm...) nó lại có giá trị độc đáo của văn hoá nghệ. Như việc tôn kính tổ nghề thể hiện tinh thần uống nước nhớ nguồn, tôn vinh nghề nghiệp. Hay những lễ hội thi các sản phẩm nghề thể hiện khát vọng vươn tới cái đẹp, hướng tới sự hoàn mỹ, đồng thời qua lễ hội càng tăng thêm tinh thần cộng đồng, tạo nguồn hứng khởi để tiếp tục một năm sản xuất hăng say đạt nhiều thành công mới. Mỗi sản phẩm của làng nghề vừa là vật dụng sinh hoạt nhưng nó cũng là tác phẩm nghệ thuật. Qua mỗi tác phẩm này ta tìm thấy ở đây những khát vọng, tư tưởng, tình cảm, tâm sự, triết lý trong cuộc sống mà người nghệ nhân đã gửi gắm vào đó. Những vật phẩm này ngày nay nó vừa có giá trị giáo dục, đồng thời nó là một bảo tàng sống phản ánh văn hoá đặc sắc của dân tộc.

1.3. THỰC TIỄN TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ LÀNG NGHỀ Ở VIỆT NAM.

1.3.1. Thời kỳ trước đổi mới (1975 - 1985).

Từ 1975 đất nước đã thống nhất, sự nghiệp xây dựng kinh tế được triển khai trên phạm vi cả nước. Nhưng đây là thời kỳ làng nghề Việt Nam phải đương đầu với những khó khăn lớn. Thời kỳ này xuất hiện mâu thuẫn lớn trong làng nghề: mâu thuẫn giữa quyền lợi riêng của người thợ với lợi ích tập thể, mà tập trung ở người có tay nghề cao, có vốn, có khả năng sản xuất, nhưng bị gò ép vào hợp tác xã, phải chịu sự điều hành kém hiệu quả của Ban quản lý.

Đứng trước tình hình ấy, đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn. Đảng và Nhà nước đã có quyết định cho phép các cơ sở sản xuất tư nhân, cá thể được quyền độc lập tự chủ trong sản xuất kinh doanh. Vì vậy, trong 5 năm cuối tiểu thủ công nghiệp đã có những bước phát triển đáng kể.



**Bảng 3- Kết quả sản xuất của ngành tiểu thủ công nghiệp
giai đoạn 1981 - 1985**

	Đơn vị tính	1981	1982	1983	1984	1985
Giá trị tổng sản phẩm TTCN	triệu đồng	27.713,6	32.005,4	36.786,1	40.424,6	48.503,2
Giá trị sản phẩm bình quân/lao động	nghìn đồng	17,2	19,9	22,8	25,1	26,3
Giá trị hàng hoá TTCN xuất khẩu	triệu rúp-đô la	161,4	205,1	202,2	230,1	235,5
Giá trị hàng hoá xuất khẩu bình quân/lao động	rúp - đô la	100,5	128,9	136,9	143,0	135,8

Nguồn : Niên giám thống kê từng năm từ 1981 - 1985

Tuy 3 năm sau có bước phát triển hơn, nhưng vẫn bị bó hẹp trong cơ chế bao cấp. Sự phát triển của làng nghề gặp nhiều trở ngại. Tình trạng trên làm cho người thợ không nhiệt huyết gắn bó với nghề. Chính vì vậy, yêu cầu cần đổi mới toàn diện cơ chế kinh tế.

1.3.2. Thời kỳ đổi mới đến nay (từ 1986 -> nay)

Thời kỳ đổi mới 1986- 1992:

Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI (1986) đã quyết định sự nghiệp đổi mới trong đó có đổi mới kinh tế, đánh dấu bước chuyển mới trong đời sống kinh tế ở nước ta. Hàng loạt chính sách, chủ trương đổi mới về kinh tế đã được ban hành:

- Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị (4/1988) khẳng định đơn vị kinh tế hộ giữ vai trò tự chủ trong nông, lâm nghiệp.
- Nghị quyết 16 của Bộ Chính trị (17/8/1988) về đổi mới cơ chế chính sách đối với cơ sở kinh tế ngoài quốc doanh.
- Ngày 30/6/1990 tại kỳ họp thứ 7 Quốc hội khoá VIII đã thông qua 2 Bộ luật : Luật doanh nghiệp tư nhân và Luật Công ty.

Trên cơ sở chủ trương, chính sách, pháp luật mới, sản xuất kinh doanh trong làng nghề đã bắt đầu khởi sắc. Phong trào thi đua sáng tạo trong làng nghề được phát động. Điển hình là hội thi truyền thống thủ công mỹ nghệ toàn quốc năm 1987 với trên 4.500 mẫu hàng. Năm 1988 hàng thủ công xuất khẩu đạt hơn 20% tổng kim ngạch xuất khẩu, các mẫu hàng thủ công đã được 960 huy chương các loại. Một số làng nghề được phục hồi phát triển rất nhanh như gốm sứ Bát Tràng, chạm, khắc điêu khắc ở Hà Tây, Bắc Ninh...

Sau một thời gian hoạt động trong cơ chế thị trường, nhiều hợp tác xã do yếu kém năng lực quản lý, chưa thích ứng được với cơ chế mới, trong khi đó sức ì của cơ chế cũ để lại còn nặng nề. Vì vậy, đã rơi vào tình trạng sa sút, đời sống xã viên cực kỳ khó khăn. Nhiều hợp tác xã đứng trước bờ giải thể, thêm nữa từ năm 1990 trở đi, tình hình thế giới có biến động lớn, đặc biệt là sự tan rã của hệ thống XHCN ở Đông Âu và Liên Xô làm cho nhiều mặt hàng thủ công mỹ nghệ của làng nghề mất thị trường tiêu thụ, trong khi đó thị trường mới chưa được thiết lập. Chính sách kinh tế mở cửa tạo điều kiện cho hàng ngoại tràn vào trong nước. Hàng ngoại trốn thuế với giá rẻ, mẫu mã đẹp, đa dạng làm cho nhiều sản phẩm của làng nghề khốn đốn trong cạnh tranh. Nhiều sản phẩm có nguy cơ bị tiêu diệt. Có thể nói trong giai đoạn từ 1990 - 1992 là những năm phát triển khó khăn nhất của làng nghề. Phần lớn các HTX không trụ được đã tự giải thể, lực lượng lao động trong các làng nghề giảm dần. Ở Hà Tây, một địa phương có nhiều làng nghề nhất nước ta cũng chỉ còn 63.312 người năm 1991 so với 110.000 người làm nghề năm 1988.

Giá trị sản xuất ở các HTX giảm sút nhanh chóng. Chẳng hạn, ở Hà Nội.